

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-ST

Ngày: 08/08 /2018

V/v: "Tranh chấp chia di sản thừa kế
giữa ông Hồng và bà Sự"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Tác hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn

2. Ông Lê Ngọc Hưng

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 08 năm 2018 tại trụ sở TAND huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2017/DS ngày 13/03/2017 về việc: “Tranh chấp chia di sản thừa kế”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08 /2018/QĐXX-ST ngày 02/07 /2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/HPT ngày 18 tháng 07 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Thiệu Đô, Huyện Thiệu Hóa, Thanh Hoá.

Bị đơn: Bà Trần Thị S - Sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 1, xã Thiệu Đô, Huyện Thiệu Hóa, Thanh Hoá.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ph – Sinh năm: 1950

Địa chỉ: xã Thạch Quảng, Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện theo ủy quyền của bà Phan: Ông Nguyễn Văn H là Nguyên đơn

2. Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1964

Địa chỉ: Xã Hoằng Hợp, Huyện Hoằng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Văn H là Nguyên đơn

3. Chị Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1985

Địa chỉ: Trường THPT Lương Thế Vinh, Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

4. Chị Nguyễn Thị Th – Sinh năm: 1990

5. Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1995

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Thiệu Đô, Huyện Thiệu Hóa, Thanh Hoá

Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Văn H, vắng mặt bà Trần Thị S, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 05/01/2017 và được bổ sung bằng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án ông Nguyễn Văn H là Nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bà Ph, bà H trình bày: Bố mẹ ông là ông Nguyễn Văn Th(sinh năm 1920, mất năm 1999) và bà Lê Thị Ch (Sinh năm 1918 mất năm 2007) ông bà có bốn người con là Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1950, Nguyễn Văn H, sinh năm 1956, Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 và Nguyễn Văn L(Sinh năm 1958 chết năm 2012) ông L có vợ là Trần Thị S và ba con là: Chị Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1985; Chị Nguyễn Thị Th – Sinh năm: 1990; Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1995. Khi ông Th, bà Ch còn sống có khối tài sản là 845,6m² đất ở tại thửa số 904, tờ bản đồ số 3 bản đồ địa chính xã Thiệu Đô. Năm 2015 ông yêu cầu chia di sản thừa kế 50% diện tích 845,6m², diện tích đất còn lại của ông Nguyễn Văn Th do hết thời hiệu khởi kiện theo luật Dân sự năm 2005 nên đang tạm giao cho bà Trần Thị S quản lý là 422,8m² có Phía Đông dài 12,78m, phía Đông Nam dài 2,7m, phía Đông Bắc dài 3,2m giáp đất của hộ ông Ch, phía Tây dài 14,33m giáp đường làng, phía Nam 25,5m giáp đất của chị Th, chị Th, chị H và bà S, phía Bắc dài 25,62m giáp đất hộ ông Kh. Nay luật Dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật thì diện tích đất là di sản của ông Th để lại đang còn thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế nên ông đề nghị tòa án huyện Thiệu Hóa chia diện tích đất 422,8m² là di sản do ông Thủy để lại mà bà S đang quản lý. Tài sản trên đất ông không đề nghị tòa án chia vì tài sản đó bà S và chồng bà là ông L làm trên lối nhà của ông Th, bà Ch. Giá đất trên địa bàn là 500.000đ/1m². Kỷ phần của ông và bà Ph ông đề nghị tòa án chia bằng đất.

*Trong quá trình giải quyết vụ án. TAND huyện Thiệu Hóa đã tổng đạt các thủ tục tố tụng như Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập lên tòa khai báo, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo phiên đối chất hợp lệ cho phía Bị đơn là bà Trần Thị S, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị H nhưng bà S chống đối không hợp tác, chị Th, chị Th, chị H không lên khai báo không trình bày quan điểm của mình về việc Nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Th nên tòa án không xem xét ý kiến của bà S, chị Th, chị H, chị Th được.

Chị Nguyễn Thị Th và chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại Thôn 1, xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa nhưng qua xác minh tổng đạt thủ tục tố tụng tại tòa không có mặt tại địa phương. Tòa án yêu cầu Nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của chị Th, chị H nhưng Nguyên đơn không cung cấp được và làm đơn yêu cầu tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không có kết quả. Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

*Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ph là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Bố mẹ bà là ông Nguyễn Văn Th(sinh năm 1920, mất năm 1999) và bà Lê Thị Ch (Sinh năm 1918 mất năm 2007) như ông H trình bày là đúng. Bố mẹ bà có bốn người con là Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1950, Nguyễn Văn

H, sinh năm 1956, Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 và Nguyễn Văn L (Sinh năm 1958 chết năm 2012) ông L có vợ là Trần Thị S và ba con là: Chị Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1985; Chị Nguyễn Thị Th – Sinh năm: 1990; Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1995. Khi ông Th, bà Ch còn sống có khối tài sản là 845,6m² đất ở tại thửa số 904, tờ bản đồ số 3 bản đồ địa chính xã Thiệu Đô. Năm 2015 ông H yêu cầu chia di sản thừa kế 50% diện tích 845,6m², diện tích đất còn lại của ông Nguyễn Văn Th do hết thời hiệu khởi kiện theo luật Dân sự năm 2005 nên đang tạm giao cho bà Trần Thị S quản lý là 422,8m² có giáp ranh như ông H trình bày là đúng. Nay luật Dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật thì diện tích đất là di sản của ông Th để lại đang còn thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế nên đề nghị tòa án huyện Thiệu Hóa chia diện tích đất 422,8m² là di sản do ông Th để lại mà bà S đang quản lý cho các hàng thừa kế theo pháp luật.

Ngày 25/04/2018 Tòa án thành lập hội đồng định giá tài sản đang tranh chấp chia di sản thừa kế. Tổng đạt hợp lệ cho bà S nội dung làm việc của Hội đồng nhưng khi hội đồng đến làm việc thì bà S chống đối, khóa cửa bỏ đi nên hội đồng định giá không thể định giá được tài sản đang tranh chấp.

Căn cứ hướng dẫn tại Điều 16, Điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2014-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/03/2014 tòa án thông báo cho ông Nguyễn Văn H đưa ra giá tài sản. Ngày 16/05/2018 ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn cung cấp giá tài sản đang tranh chấp, tài sản trên đất và có sơ đồ thửa đất và tài sản trên đất kèm theo gồm: Giá 422,8m² đất ở tại thửa số 1011, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính xã Thiệu Đô là 500.000đ/1m² x 422,8m² = 211.400.000đ; Tài sản trên đất gồm nhà cấp 4 gỗ xoan lợp ngói xây bằng vôi cát năm 1970 đến năm 1982 sửa lại lần 1, năm 1991 gia đình ông L và bà S sửa lại lần hai giá trị còn lại là 15.000.000đ; Nhà bếp nấu xây bằng gạch tự nung vôi cát xây năm 1991 lớp bờ lu xi măng khâu hao tài sản còn giá trị sử dụng là 500.000đ; Nhà kho xây bằng gạch vồ không trát ba vách một mái lợp bờ lu xi măng không cửa giá trị còn lại là 500.000đ; Nhà tắm xây đã cũ giá trị còn lại là 300.000đ; Sân gạch đã lũ lát gạch 20x20 kết hợp láng xi măng giá trị sử dụng còn lại 800.000đ; Nhà vệ sinh lợp bờ lu xi măng một mái giá trị còn lại là 500.000đ; Ngõ láng xi măng bằng vật liệu thôn khi đổ đường làng giá trị còn lại là 200.000đ; Chuồng lợn xây bằng gạch vồ lợp bờ lu xi măng hiện không còn giá trị sử dụng; Tường rào xây năm 1970 bằng gạch tự nung, xây vôi cát, phía trên chông hai lớp gạch vồ để giữ tường và cổng sắt giá trị còn lại là 500.000đ. Tòa án đã thông báo giá tài sản đang tranh chấp và tài sản trên đất cho bà S hợp lệ nhưng đến phiên tòa hôm nay bà S không có mặt không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H xuất trình Giấy ủy quyền của bà H cho ông. Sau khi xem xét. Giấy ủy quyền là hợp lệ, ông H đồng ý nhận ủy quyền của bà H nên tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền cho bà Ph, bà H trình bày: Sau khi bố mẹ ông chết thì ông Lý và bà S cùng các con ông L vẫn ở và quản lý thửa đất do bố mẹ ông để lại, Ngày 22/01/2012 ông Lý chết thì bà Trần Thị S là người quản lý thửa đất nói trên. Do anh chị em trong gia đình không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế nên năm 2015 ông yêu cầu tòa án chi di sản thừa kế của bà Ch để lại. Phần di sản của ông Th do hết thời hiệu chia di sản

thừa kế theo luật Dân sự năm 2005 nên tòa án đang tạm giao phần di sản của ông Th để lại là 422,8m² tại thửa 1011 tờ bản đồ số 10 bản đồ địa chính xã Thiệu Đô do năm 2011 cho bà S quản lý. Đến nay luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật thời hiệu chia di sản thừa kế phần di sản của ông Th vẫn còn nên ông đề nghị tòa án chia di sản thừa kế của ông Th cho các hàng thừa kế theo pháp luật. Phần của ông và bà Phan ông đề nghị chia bằng hiện vật.

Đối với phần công sức đóng góp duy trì bảo quản di sản thừa kế của ông Th, ông không đồng ý trích một phần cho bà S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu của ông Hồng là nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chia di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với kỹ phần của chị Th, chị H không có mặt tại địa phương đề nghị HĐXX tạm giao lại cho bà S quản lý đến khi nào chị Th, chị H có yêu cầu.

Về án phí: Các bên đương sự phải chịu án phí tương đương với tài sản được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật về giao nhận thông báo tổng đạt các văn bản tố tụng của tòa án. Tòa án đã Thông báo Thụ lý vụ án, tổng đạt giấy triệu tập lên tòa khai báo, tổng đạt thủ tục mở phiên họp, phiên hòa giải, đối chất cho bà Trần Thị S và những người liên quan nhưng bà S và những người liên quan chống đối không hợp tác không lên làm việc. Tại phiên tòa hôm nay tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng bà S, chị Th, chị Th, chị H nhưng các đương sự trên vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 BLTTDS tòa án xét xử vắng mặt đối với bà S, chị Th, chị Th, chị H.

[2]Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và các chứng cứ do đương sự xuất trình và kết quả thẩm tra tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

-Về thời hiệu thừa kế và thời điểm mở thừa kế: ông Nguyễn Văn Th(sinh năm 1920, mất năm 1999) thời điểm mở thừa kế là năm 1999, căn cứ Điều 623 luật Dân sự năm 2015 thời hiệu thừa kế đối với bất động sản là 30 năm như vậy thời hiệu chia di sản thừa kế của ông Th vẫn còn. Đến phiên tòa ngày hôm nay các bên không xuất trình được chứng cứ có di chúc hợp pháp do ông Th để lại nên di sản thừa kế của ông Th được chia theo pháp luật.

-Về hàng thừa kế: Tại phiên tòa và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án các hàng thừa kế đều thống nhất không có tranh chấp về hàng thừa kế nên hàng thừa kế thứ nhất được xác định như sau: Ông Nguyễn Văn H bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn L. Do ông L có ba con chết sau người để lại di

sản, nên kỹ phần của ông L được chia đều cho ba con gồm chị Th, chị Th, chị H là hàng thừa kế thế vị. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th và chị H vắng mặt không xác định được địa chỉ nên căn cứ hướng dẫn tại Điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 phần của chị Th, chị H tạm giao cho bà S quản lý đến khi nào chị Th, chị H có yêu cầu bà S phải trả lại theo quy định của pháp luật.

-Về di sản thừa kế: Tại biên bản đưa ra giá tài sản tranh chấp, tài sản trên đất và sơ đồ đất ngày 16/05/2018 của ông Nguyễn Văn H xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Th là $422.8m^2$ nhưng qua đo vẽ sơ đồ thấy rằng di sản của cụ Th để lại trên thực thể như ông H cung cấp còn lại là $417,7m^2$. HĐXX xác định di sản để chia thừa kế của cụ Th là $417,7m^2$ vì vậy xác định bà S đang quản lý là di sản của ông Th để lại có diện tích là $417,7m^2$ có tứ cận phía Bắc giáp đất hộ ông Kh dài 25,5m; Phía Đông giáp hộ ông Ch, phía Nam giáp thửa đất đã chỉ cho bà S, chị Th, chị Th, chị H dài 25,5m; Phía Tây giáp đường làng dài 13,3m (có sơ đồ kèm theo); tọa lạc tại thửa số 1011, tờ bản đồ số 10, bản đồ địa chính xã Thiệu Đô lập năm 2011. Xác định giá trị đất tại thời điểm chia di sản thừa kế mà Nguyên đơn cung cấp có giá trị $500.000đ/1m^2 \times 417,7m^2 =$ giá trị là 235.850.000đ(hai trăm ba lăm triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

-Trích công sức và chia thừa kế theo kỹ phần: Theo hồ sơ tài liệu phản ánh thì ông L và bà S kết hôn từ năm 1984, sau khi kết hôn ông bà ở trên mảnh đất đó cùng với cụ Th và cụ Ch, khi hai cụ qua đời thì ông L, bà S quản lý cho đến khi ông L chết thì bà S vẫn là người quản lý phần diện tích đất của cụ Th và cụ Ch. Xét thấy bà S có công duy trì, trùng tu, tôn tạo, bảo quản vì vậy cần trích công sức cho bà S, ông L là phù hợp. Do ông L đã chết nên 50% giá trị công sức chia đều cho chị Th, chị H, chị Th. Trích công sức cho bà S, chị Th, chị Th, chị H bằng một kỹ phần tương đương với $83,48m^2$ đất ở có giá trị là 41.770.000đ. Do không trích công sức duy trì bảo quản bằng hiện vật cho chị Th, chị Th, chị H được nên chị Th, chị H, chị Th được nhận bằng giá trị tài sản do bà S chênh lệch lại theo tỷ lệ bằng nhau. Di sản của cụ Th để lại còn $334,16m^2$ đất ở có giá trị là 167.080.000đ chia đều cho các hàng thừa kế thứ nhất và hàng thừa kế thế vị. Đối với ông H, bà Ph, bà H giá trị được nhận là bằng nhau, đối với chị Th, chị Th, chị H được nhận giá trị bằng nhau tương đương với một phần của hàng thừa kế thứ nhất. Do phần của chị Th, chị Th, chị H chia đều bằng hiện vật không phù hợp nên HĐXX chia cho chị Th được hưởng phần của ông L, chị Th có trách nhiệm chênh lệch tiền giá trị cho chị Th, chị H theo kỹ phần tương đương.

HĐXX xét thấy hiện nay bà Trần Thị S không có nơi ở nào khác, cần bảo lưu giá trị của ngôi nhà bà đang ở nên trích phần công sức cho bà S được hưởng phần diện tích đất có nhà và chia cho bà S được hưởng kỹ phần của bà Ph và bà H để đảm bảo cho bà có cuộc sống ổn định. Bà S có trách nhiệm chênh lệch lại tiền cho bà H, bà Ph số tiền mỗi người là 41.740.000đ. Đối với ông H được nhận diện

tích đất bằng 83,54m² tương đương giá trị 41.740.000đ và phải trả tiền các công trình nằm trên diện tích đất được chia cho bà Trần Thị S gồm 50% sân gạch tương đương với 400.000đ; 300.000đ giá trị nhà tắm; 500.000đ tường gạch, ngõ và cổng nhà; Tổng số tiền giá trị trên đất mà ông H được hưởng phải trả cho bà S là 1.200.000đ. Chị Th phải trả cho bà S số tiền 50% sân gạch tương đương với 400.000đ; 500.000đ tiền nhà bếp; 500.000đ tiền nhà kho; Tổng số tiền công trình trên đất mà chị Th phải trả cho bà S số tiền là 1.400.000đ.

[4/Về án phí: Nguyên đơn, Bị đơn và những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 271, 272 BLTTDS; Điều 357, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự; Điều 100 Luật đất đai. Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1-Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Th theo pháp luật.

2 - Xác định di sản của ông Nguyễn Văn Th để lại là 417,7m² đất ở nông thôn. Tại thửa 1011 tờ bản đồ số 10 bản đồ địa chính xã Thiệu Đô đo năm 2011. Có tứ cận giáp: Phía Bắc giáp đất hộ ông Nguyễn Văn Kh dài 25,5m; Phía Đông giáp hộ ông Lê Đình Ch và một phần đất nhà ông Kh , phía Nam giáp thửa đất đã chi cho bà S , chị Th, chị Th, chị H dài 25,5m; Phía Tây giáp đường làng dài 13,3m (có sơ đồ kèm theo); Tọa lạc tại Thôn 1, xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa có giá trị là 208.850.000đ (Hai trăm lẻ tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Xác định tài sản trên 417,7m² đất ở nông thôn. Tại thửa 1011 tờ bản đồ số 10 bản đồ địa chính xã Thiệu Đô đo năm 2011. Tọa lạc tại Thôn 1, xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa là của bà Trần Thị S.

3 –Trích công sức duy tu, bảo quản tài sản là di sản của cụ Th như sau: Trích công sức duy tu bảo quản giá trị đất cho là Trần Thị S, chị Th, chị Th, chị H bằng 83,54m² đất ở tại thửa 1011 tờ bản đồ số 10 bản đồ địa chính xã Thiệu Đô đo năm 2011 giá trị 41.770.000đ. Giao phần đất này cho bà S sở hữu. Bà S có trách nhiệm trả tiền chênh lệch giá trị cho chị Th, chị Th, chị H mỗi người là **6.961.000đ**(Sáu triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng).

4.- Xác định di sản còn lại của ông Nguyễn Văn Th chia cho các hàng thừa kế có giá trị là 167.080.000đ là 334,16m² đất ở tại nông thôn thửa đất 1011 tờ bản đồ số 10 bản đồ địa chính xã Thiệu Đô đo năm 2011.

5.- Chia di sản thừa kế và công sức đóng góp duy trì di sản:

5.1. Chia thừa kế cho ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu 83,54 m² đất ở tại nông thôn tương đương với giá trị là 41.770.000đ đất ở tại thửa 1011 tờ bản đồ số 10 bản đồ địa chính xã Thiệu Đô đo năm 2011 có tứ cận: Phía Đông giáp nhà ông Lê Đình Ch có cạnh dài 2,7m và 0,9m; phía Tây giáp đường bê tông làng dài 3m; phía Nam giáp đất nhà bà S, chị Th, chị Th, chị H dài 25,5m; phía Bắc giáp đất nhà chị Th dài 26,2m (có sơ đồ kèm theo). Ông H phải trả cho bà Trần Thị S giá trị là: 1.200.000đ là tài sản trên đất mà ông H được chia gồm: Nhà tắm; Sân gạch; Ngõ lảng xi măng; Tường rào.

5.2. Chia cho bà Nguyễn Thị Ph được hưởng di sản thừa kế bằng giá trị là **41.770.000đ**. (Bốn một triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng)

5.3. Chia cho bà Nguyễn Thị H được hưởng di sản thừa kế bằng giá trị là **41.770.000đ**. (Bốn một triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng)

5.4. Chia cho chị Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu 83,54m² đất ở tại thửa 1011 tờ bản đồ số 10 bản đồ địa chính xã Thiệu Đô đo năm 2011 có giá trị là 41.770.000đ có tứ cận: Phía Đông giáp đất nhà ông Lê Đình Ch dài 3,4m; phía Tây giáp đường bê tông làng dài 3m; phía Nam giáp đất nhà ông Nguyễn Văn H dài 26,2m; phía Bắc giáp đất nhà bà Trần Thị S dài 26,4m (có sơ đồ kèm theo). Chị Th phải trả cho bà S số tiền 50% sân gạch tương đương với 400.000đ; 500.000đ tiền nhà bếp; 500.000đ tiền nhà kho; Tổng số tiền công trình trên đất mà chị Th phải trả cho bà S số tiền là **1.400.000đ**. Chị Th phải trả chênh lệch tiền giá trị cho chị Th, chị H sau khi trừ đi nghĩa vụ mỗi người là **13.456.000đ**. Tổng giá trị chị Th được nhận là **20.417.000đ** (Hai mươi triệu bốn trăm mười bảy ngàn đồng).

5.5. Chia cho bà Trần Thị S được quyền sở hữu 250,62 m² đất ở tại thửa 1011 tờ bản đồ số 10 bản đồ địa chính xã Thiệu Đô đo năm 2011 tương đương với giá trị là 125.310.000đ (Trong đó có 83,54m² đất trích công sức truy trì bảo quản di sản). Có tứ cận là phía Đông giáp đất nhà ông Lê Đình Ch có cạnh dài 5,78m và 3,26m giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Kh ; phía Tây giáp đường bê tông thôn dài 7,3m; phía Nam giáp đất nhà chị Nguyễn Thị Th dài 26,4m; phía Bắc giáp nhất nhà ông Nguyễn Văn Kh dài 25,62m (Có sơ đồ kèm theo). (Trong đó có 1/3 diện tích đất trích công sức của bà và các con ông L)

Bà Trần Thị S phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ph , bà Nguyễn Thị H mỗi người số tiền là **41.770.000đ** (Bốn một triệu bảy trăm bốn mươi ngàn). Trả cho chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Th mỗi người **6.961.000đ** (Sáu triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tổng giá trị bà S được nhận sau khi trừ đi nghĩa vụ là **23.485.000đ** (Trong đó có 2.600.000đ công trình trên đất mà chị Th, ông H phải trả cho bà)

5.6. Chia cho chị Nguyễn Thị Th được nhận bằng giá trị từ chị Th là 13.446.000đ; từ bà Trần Thị S là 6.956.000đ. Tổng giá trị chị Th được nhận là: **20.417.000đ** (Hai mươi triệu bốn trăm mười bảy ngàn đồng)

5.7. Chia cho chị Nguyễn Thị H được nhận bằng giá trị từ chị Th 13.446.000đ; từ bà Trần Thị S là 6.956.000đ. Tổng giá trị chị Th được nhận là: **20.417.000đ** (Hai mươi triệu bốn trăm mười bảy ngàn đồng)

Tạm giao phần giá trị di sản **40.834.000đ** mà chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị H được nhận từ chị Th và bà S cho bà Trần Thị S quản lý. Chị Th, chị H được nhận lại tài sản khi có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật thì hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người có nghĩa vụ không tự giác thi hành hoặc thi hành chậm số tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả t-ong ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 1,2 điều 357 Bộ luật dân sự t-ong ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Tr-ờng hợp bản án đ-ợc thi hành theo điều 2 luật thi hành án dân sự ng-ời đ-ợc thi hành án, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận việc thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6.Về án phí:

6.1 Ông Nguyễn Văn H phải chịu số tiền 2.028.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Ông H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2014/0001118 ngày 15/03/2017 số tiền là 1.330.000đ. Ông H còn phải nộp tiếp số tiền án phí 698.000đ.

6.2 Bà Trần Thị S phải chịu số tiền 1.174.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

6.3 Bà Trần Thị Ph phải chịu số tiền 2.088.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

6.4 Bà Trần Thị H phải chịu số tiền 2.088.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

6.5 Chị Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền 1.020.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

6.5 Chị Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền 1.020.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

6.5 Chị Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 1.020.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ph, Bà Trần Thị S, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKSND huyện Thiệu Hóa
- Chi cục THA DS huyện Thiệu Hóa.
- Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Quân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKSND huyện Thiệu Hóa

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

-Chi cục THA DS huyện Thiệu Hóa.
-Lưu HS

Lê Văn Quân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKSND huyện Thiệu Hóa
- Chi cục THA DS huyện Thiệu Hóa.
- UBND xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa.
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Quân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKSND huyện Thiệu Hóa
- Chi cục THA DS huyện Thiệu Hóa.
- UBND xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa.
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Quân